

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2021

V/v: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Văn Sơn

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh B .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ , tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hải Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ , tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 424/2020/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Ngọc T , sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: tổ 6, thôn 9, xã Đức Tín, huyện Đ , tỉnh B . Nơi tạm trú: khu vực đất Cự chiến binh, thôn 1A, xã Tr , huyện Đ , tỉnh B .

- Bị đơn: Ông Vũ Đức Khoái, sinh năm 1974; nơi đăng ký thường trú: tổ 6, thôn 9, xã Đức Tín, huyện Đ , tỉnh B . Nơi tạm trú: khu vực đất Cự chiến binh, thôn 1A, xã Tr , huyện Đ , tỉnh B .

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2020 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc T trình bày: Bà T và ông Khoái tự nguyện kết hôn năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai vào ngày 11/11/1994. Ông bà có tất cả 03 người con gồm: Vũ Thị Quỳnh Chi, sinh năm 1995; Vũ Thị Quỳnh Như, sinh năm 2001 và Vũ Hoàng Anh Khoa, sinh ngày 20/5/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống hạnh phúc được 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do làm ăn kinh tế thất bại, dẫn đến xung đột, rạn nứt tình cảm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2020 đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn liên lạc hay quan tâm đến nhau. Nay bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Khoái, mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 03/12/2020, bà T có đơn xin không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Đối với bị đơn ông Vũ Đức Khoái: Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Khoái không có ý kiến gì, cũng không có đơn yêu cầu phản tố và đều vắng mặt không có lý do. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2020, ông Khoái khai thống như lời khai của bà T về thời gian kết hôn, con chung, mâu thuẫn vợ chồng, nơi cư trú và thời gian ông bà sống ly thân. Ông Khoái thừa nhận đã nhiều lần tìm cách níu kéo tình cảm vợ chồng nhưng bà T không đồng ý. Nay bà T kiên quyết yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông đồng ý. Ngoài ra ông Khoái không có ý kiến hay yêu cầu phản tố gì, ông Khoái đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông vì không sắp xếp được thời gian để tham gia phiên tòa theo triệu tập của Tòa án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ : Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử; Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn và bị đơn nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy hôn nhân giữa ông Khoái và bà T đã thật sự nghiêm trọng, không hàn gắn được tình cảm nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xử cho bà T được ly hôn với ông Khoái là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì TAND huyện Đ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở đơn khởi kiện của nguyên đơn, TAND huyện Đ đã xác định quan hệ tranh chấp Ly hôn là đúng pháp luật.

Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Về việc xét xử vắng mặt: Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng đã có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà T và ông Khoái tự nguyện kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Khoái. Căn cứ vào lời khai của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy, trong thời gian gần đây hôn nhân giữa bà T và ông Khoái không còn hạnh phúc, đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, xung đột, không hàn gắn được tình cảm. Hiện tại mỗi người sống một nơi, không còn tình cảm thương yêu, liên lạc quan tâm lẫn nhau. Quá trình tham gia tố tụng bà T cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Mặc dù ông Khoái đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không có kết quả. Từ đó có căn cứ xác định tình cảm vợ chồng giữa ông bà đã thật sự rạn nứt, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ pháp luật.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong bản án này.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, buộc bà T phải chịu án phí ly hôn là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc T .

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Vũ Thị Ngọc T ly hôn ông Vũ Đức Khoái.

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Vũ Thị Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N₀ 0003997 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ . Bà T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà T , ông Khoái được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B ;
- VKSND huyện Đ ;
- Các đương sự;
- UBND xã Gia Canh, H. Định Quán, Đồng Nai;
- CC THADS huyện Đ ;
- Lưu HS, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

